

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU

Số: 1199/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 22 tháng 10 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch phát triển vùng kinh tế nông - lâm sinh thái sông Đà  
tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH LAI CHÂU

Số: 1199/QĐ-UBND  
Ngày: 22/10/2015  
Chuyên: Kế hoạch  
Lưu hồ sơ số: .....

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

(b) Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2006 về lập phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 về sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-TTg, ngày 28/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Thực hiện Kế hoạch số 77-KH/TU, ngày 11/11/2013 của Tỉnh ủy Lai Châu về việc thực hiện Kết luận số 70-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XII và một số chủ trương phát triển tỉnh Lai Châu đến năm 2020; Thông báo số 1502 -TB/TU ngày 01/9/2015 của Tỉnh ủy Lai Châu về Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 31/8/2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư tại Công văn số 1014/SKHĐT-KTN ngày 08/10/2015,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển vùng kinh tế nông - lâm sinh thái sông Đà tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

### I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển kinh tế nông - lâm sinh thái sông Đà theo hướng phát triển bền vững, đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh

Lai Châu đến năm 2020, các chương trình trọng điểm của tỉnh về phát triển hạ tầng kinh tế xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030.

2. Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đồng thời kết hợp hài hoà với bảo vệ môi trường và phát triển rừng.

3. Tập trung khai thác hiệu quả, hợp lý tiềm năng, lợi thế của vùng, tranh thủ mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế của các huyện trong vùng; thực hiện chuyển dịch các hoạt động sản xuất theo hướng sản xuất hàng hoá; tập trung phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và du lịch; lấy sản phẩm cây công nghiệp (mủ cao su), chăn nuôi đại gia súc, du lịch làm sản phẩm hàng hóa chủ lực và lâu dài.

## **II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

### **1. Mục tiêu chung**

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế; nâng cao giá trị sản xuất của các ngành kinh tế; phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, bảo vệ và phát triển rừng; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, ổn định chính trị; phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững, từng bước rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển và thu nhập của nhân dân trong vùng so với các huyện trong tỉnh.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Giai đoạn 2016 - 2020**

(1). Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 17,8%/năm; cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh Lai Châu (16,1%/năm) và của vùng TDMNPB (8%/năm).

(2). GRDP/người đạt 31,5 triệu đồng vào năm 2020; thấp hơn so với toàn tỉnh (46,7 triệu đồng) và của vùng TDMNPB (2.000 USD tương đương 42 triệu đồng).

(3). Cơ cấu nền kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản - Công nghiệp, xây dựng - Dịch vụ là: 41,2% - 30,5% - 28,3%; chưa tiệm cận được so với toàn tỉnh (20%, 44%, 36%) và của vùng TDMNPB 21,9% - 38,7% - 39,4%.

(4). Thu Ngân sách trên địa bàn: 450.000 triệu đồng.

(5). Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3,4%/năm.

#### **2.2. Tầm nhìn đến năm 2030**

(1). GRDP/người đạt 84,8 triệu đồng năm 2030 (Để đạt được mục tiêu này, tăng trưởng GRDP bình quân đạt 11,9%/năm; Tăng trưởng VA bình quân các nhóm ngành: Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 8,1%/năm; Công nghiệp - xây dựng đạt 13,4%/năm; Dịch vụ - du lịch đạt 14,6%/năm).

(2). Cơ cấu nền kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản - Công nghiệp, xây dựng - Dịch vụ là: 29,1% - 35,0% - 35,9%.

(3). Thu Ngân sách trên địa bàn: 850.000 triệu đồng.

(4). Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1,2%/năm.

### III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

#### 1. Phát triển các ngành kinh tế

##### a) Nông, lâm nghiệp, thủy sản:

Giai đoạn 2016 - 2020 tốc độ tăng trưởng GTSX ngành nông, lâm, thủy sản đạt 20,1%/năm; giai đoạn 2021 - 2030 đạt 6,9%/năm.

- *Trồng trọt*: Cải tạo, mở rộng 5 cánh đồng tập trung chuyên trồng lúa nước với tổng diện tích là 1.455 ha, cụ thể:

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Tổng diện tích là 1.455 ha gồm lúa 1 vụ và lúa 2 vụ, bao gồm: Cánh đồng Noong Hèo 500 ha; cánh đồng Nậm Mạ thái 250 ha; cánh đồng Xà Chải 255 ha; cánh đồng Nậm Cùm - Bản Giảng 200 ha; cánh đồng Nậm Pồ - Nậm Manh 250 ha;

+ Giai đoạn 2021 - 2030: Tiếp tục duy trì diện tích 1.455 ha; đẩy mạnh thâm canh tăng vụ và áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất để tăng năng suất, sản lượng và chất lượng

Dự kiến giai đoạn 2016 - 2020 năng suất bình quân đạt 5 - 5,5 tấn/ha, giai đoạn 2021 - 2030 năng suất bình quân đạt 6 tấn/ha. Tổng diện tích cây ngô giai đoạn 2016 - 2020 đạt 9.954,8 ha, dự kiến năng suất bình quân đạt khoảng 2,6 tấn/ha, sản lượng đến năm 2020 đạt trên 25.882,5 tấn; giai đoạn 2021 - 2030: Tổng diện tích 10.353 ha; dự kiến năng suất bình quân đạt khoảng 3,5 tấn/ha, sản lượng đến năm 2030 đạt trên 36.235,5 tấn.

Phát triển cây cao su, đến năm 2020 tổng diện tích trồng cây cao su đạt 14.500 ha; trong đó trồng mới 3.810 ha, dự kiến 6.625 ha cho sản phẩm, sản lượng mủ đạt khoảng gần 8.000 tấn. Đến năm 2030 tổng diện tích trồng cây cao su đạt 20.000 ha; trong đó có 5.500 ha trồng mới, khoảng 10.340 ha cho sản phẩm, sản lượng mủ đạt khoảng 16.500 tấn.

Trồng chè ở huyện Sìn Hồ (xã Xà Dề Phìn và xã Hồng Thu) với diện tích khoảng 200 ha trong giai đoạn 2016 - 2020 và trên 100 ha trong giai đoạn 2021 - 2030.

Cây ăn quả: Giai đoạn 2016 - 2020 dự kiến trồng khoảng 510 ha cây ăn quả các loại gồm: 100 ha Cam, 20 ha Dừa, 150 ha Xoài, 240 ha Chuối. Giai đoạn 2021-2030 đưa tổng diện tích trồng các loại cây ăn quả lên 740 ha (trồng mới 230 ha), bao gồm: 140 ha Cam, 50 ha Dừa, 200 ha Xoài, 350 ha Chuối. Bố trí trồng Cam tại xã Nậm Tăm huyện Sìn Hồ; trồng Dừa ở một số xã vùng thấp như: Nậm Tăm, Noong Hèo, Nậm Cuối, Nậm Hăn, Chăn Nưa huyện Sìn Hồ; xã Lê Lợi huyện Nậm Nhùn; trồng Xoài, Chuối dọc ven hồ những nơi không trồng được cao su (độ cao < 300m), tập trung ở các xã Nậm Tăm, Chăn Nưa, huyện Sìn Hồ; xã Nậm Hàng, Pú Dao, Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn.

Cây dược liệu: Giai đoạn 2016 - 2020 trồng khoảng 100 ha, bao gồm: 90 ha ở các xã Hồng Thu, Xà Dề Phìn, Làng Mô, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ; 10 ha Tam thất tại các xã Ka Lăng, Thu Lũm, Pa Vệ Sủ huyện Mường Tè. Giai đoạn 2021 - 2030 duy trì 100 ha với phạm vi, quy mô như giai đoạn 2016 - 2020.

Trồng hoa: Quy hoạch trồng 50 ha trong giai đoạn 2016 - 2020 và trồng 100 ha giai đoạn 2021 - 2030 tại các xã cao nguyên huyện Sin Hồ.

- *Chăn nuôi*: Khuyến khích phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, gia trại với quy mô phù hợp nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh của vùng, cụ thể:

+ Phát triển các trang trại chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò) theo hướng chuyên dịch sang sản xuất hàng hóa, gắn với xây dựng chuồng trại, trồng cỏ để chủ động nguồn thức ăn. Đến năm 2020, tổng đàn trâu đạt 36.000 con, đàn bò đạt 8.500 con, đàn lợn đạt 97.043 con; sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 3.235,9 tấn, sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 810,9 tấn, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 5.337,4 tấn. Đến năm 2030, tổng đàn trâu đạt 38.000 con, đàn bò đạt 9.500 con, đàn lợn đạt 173.789 con; sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 11.294,9 tấn, thịt bò hơi xuất chuồng đạt 2.573,2 tấn, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 11.296,3 tấn.

+ Phát triển chăn nuôi gia cầm, phấn đấu tăng đàn bình quân đạt 5%/năm giai đoạn 2016 - 2020, toàn vùng đạt 545.738 con vào năm 2020 và đạt 977.334 con vào năm 2030, tập trung tại các xã: Pa Tần, Hồng Thu, Tả Phìn, Làng Mò huyện Sin Hồ; xã Nậm Hàng, Mường Mô, Nậm Chà, Nậm Ban và Nậm Manh huyện Nậm Nhùn; xã Mường Tè, Can Hồ, Nậm Khao, Bum Tở, Bum Nưa huyện Mường Tè.

- *Thủy sản*: Nuôi cá lồng bè trên lòng hồ thủy điện Lai Châu: Đến năm 2020 diện tích đạt 10 ha, đến năm 2030 đạt 80 ha. Nuôi trên ao: Giai đoạn 2016 - 2020 diện tích nuôi đạt 309 ha, giai đoạn 2021 - 2030 diện tích nuôi đạt 386 ha. Khai thác đánh bắt thủy sản trên hồ thủy điện Sơn La, Lai Châu một cách hợp lý, bền vững. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng hồ.

- *Lâm nghiệp*: Thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn sông Đà, trong đó tập trung bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng là chính, trồng rừng chỉ thực hiện ở những nơi không có khả năng khoanh nuôi tái sinh. Giai đoạn 2016 - 2020: Bảo vệ trên 320.600 ha rừng, khoanh nuôi tái sinh khoảng 84.600 ha; giai đoạn 2021- 2030: Bảo vệ trên 375.100 ha, khoanh nuôi tái sinh trên 69.00 ha. Tập trung trồng rừng thay thế diện tích rừng bị ngập do xây dựng thủy điện Sơn La và thủy điện Lai Châu, đến năm 2020 sẽ hoàn thành trồng 1.080 ha. Phát triển cây Mắc ca: Đến năm 2020 quy hoạch diện tích trồng Mắc ca đạt 300 ha; đến năm 2030 tổng diện tích trồng Mắc ca đạt 750 ha.

#### *b) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*

Giai đoạn 2016-2020, tăng trưởng giá trị sản xuất (GTSX) ngành công nghiệp đạt 49%/năm; giai đoạn 2021-2030 đạt 12,4%/năm.

- Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp có tiềm năng; chế biến nông, lâm sản; khai thác thủy điện, vật liệu xây dựng; các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, cơ khí và gia công.

- Xây dựng cụm công nghiệp Lê Lợi - Nậm Hàng trên địa bàn huyện Nậm Nhùn, quy mô diện tích 10 ha; thu hút ngành nghề sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí nhỏ, hàng gia công mỹ nghệ, tiểu thủ công nghiệp, mây tre đan xuất khẩu, chế biến hàng nông lâm sản... nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp trong vùng.

- Xây dựng 01 nhà máy chế biến mây tre đan tại thị trấn Nậm Nhùn, công suất 5.000 tấn/năm, tương đương 800.000 - 1.000.000 sản phẩm các loại/năm.

- Đầu tư xây dựng 03 nhà máy chế biến mủ cao su theo Quy hoạch phát triển cao su đại điền của tỉnh.

- Quy hoạch và quản lý, tổ chức khai thác cát, sỏi ở các vùng dọc sông Đà, Nậm Na đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bảo vệ môi trường nhằm phục vụ nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn.

- Quy hoạch và quản lý sản xuất khai thác đá phục vụ nhu cầu xây dựng nhà ở, làm đường giao thông đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bảo vệ môi trường.

- Khai thác có hiệu quả, đảm bảo theo quy hoạch được cấp phép điếm mỏ đá đen tại xã Nậm Ban, huyện Nậm Nhùn.

- Phát triển gạch không nung trên địa bàn xã Nậm Hàng và thị trấn Nậm Nhùn.

- Dự kiến xây dựng 15 làng nghề cho mỗi giai đoạn: Khôi phục và phát triển nghề dệt thổ cẩm trên địa bàn các xã: Nậm Tăm, Tả Phìn, Xà Dề Phìn, thị trấn Sìn Hồ huyện Sìn Hồ; xã Mường Tè, Can Hồ, thị trấn Mường Tè huyện Mường Tè; xã Nậm Manh, Mường Mô huyện Nậm Nhùn. Phát triển nghề mây tre đan tại xã Mường Mô huyện Nậm Nhùn.

### *c) Thương mại, dịch vụ*

- *Thương mại*: Giai đoạn 2016-2020, phấn đấu tăng trưởng tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 15,5%/năm, đạt 1.606.164 triệu đồng năm 2020; đạt 14,6%/năm ở giai đoạn 2021-2030 và đạt 6.281.252 triệu đồng vào năm 2030. Phát triển đồng bộ hệ thống thương mại trong vùng: Tại huyện Mường Tè, trong giai đoạn 2016-2020, xây mới 01 chợ biên giới ở xã Thu Lũm và 01 chợ ở xã Mường Tè; giai đoạn 2021-2030 xây dựng 01 siêu thị tại thị trấn; tại huyện Nậm Nhùn, đến năm 2020 xây mới 01 chợ ở trung tâm thị trấn, xây mới 02 chợ ở trung tâm xã Nậm Hàng và Mường Mô với quy mô hạng III; tại huyện Sìn Hồ đến 2020, xây mới 03 chợ hạng III; giai đoạn 2021-2030 xây dựng mới 01 siêu thị hạng III tại xã Nậm Tăm và Trung tâm mua bán trung bày sản phẩm tại thị trấn.

- *Phát triển du lịch*: Giai đoạn 2016-2020, tăng trưởng số khách du lịch đạt 17,2%/năm, 7%/năm giai đoạn 2021-2030. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu khối dịch vụ với các sản phẩm tiêu biểu là du lịch văn hóa lịch sử, lễ hội truyền thống, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng. Không gian phát triển du lịch được tổ chức theo định hướng: (i) Tuyên thành phố Lai Châu - Nậm Tăm - Tả Ngảo - Thị trấn Sìn Hồ - Thành phố Lai Châu với các khu du lịch: Khu nghỉ dưỡng và khu trưng bày các

sản phẩm Thổ cẩm, trình diễn các hoạt động văn hóa của các dân tộc trong vùng ở thị trấn Sìn Hồ; khu sinh thái hồ thủy điện Sơn La; xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng ở các xã Nậm Tăm, Nậm Mạ, Tả Phìn, Xà Dề Phìn, thị trấn Sìn Hồ; (ii) Tuyến thành phố Lai Châu - Mường Tè - Nậm Nhùn - Thành phố Lai Châu với các khu du lịch: Khu dịch vụ, vui chơi giải trí, ăn uống, nhà nghỉ ở thị trấn Mường Tè, xã Mường Tè, thị trấn Nậm Nhùn xã Lê Lợi; khu sinh thái hồ thủy điện Lai Châu; xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng ở xã Mường Tè, Thu Lũm, Nậm Mạnh, Pú Dao, Lê Lợi.

- *Dịch vụ vận tải*: Tăng trưởng khối lượng hành khách và khối lượng hàng hóa vận chuyển giai đoạn 2016-2020 là 12,3%/năm và 18,8%/năm; giai đoạn 2021-2030 là 8,2%/năm và 11,7%/năm. Phát triển mạnh dịch vụ vận tải, nhanh chóng nâng cao giá trị ngành vận tải trong lĩnh vực dịch vụ; trang bị thêm phương tiện vận tải các loại...; tăng năng lực vận tải đường bộ, đường sông, đảm bảo vận tải hàng hoá thiết yếu đến tận vùng sâu, vùng xa... Đầu tư xây dựng điểm đỗ, dừng xe cho các huyện, thị trấn theo quy hoạch.

- *Phát thanh - Truyền hình, thông tin và truyền thông*: Đầu tư, nâng cấp Đài phát thanh - Truyền hình các huyện; tiếp tục đầu tư trạm truyền thanh không dây cho các trạm trung tâm xã, cụm xã. Phủ sóng truyền hình và nâng cao chất lượng, nội dung, thời lượng chương trình phát thanh, truyền hình ở địa phương. Nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính, viễn thông trong vùng.

## **2. Phát triển kết cấu hạ tầng**

### *a) Phát triển giao thông*

- Đến năm 2020: 100% các tuyến đường trục huyện, liên huyện, đường trục xã, liên xã được cứng hóa; 40% đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải; 20% đường trục chính nội đồng được cứng hóa. Đến năm 2030: 80% đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải; 50% đường trục chính nội đồng được cứng hóa.

- Phát triển mạng lưới giao thông theo quy hoạch. Tập trung đẩy nhanh tiến độ nâng cấp và hoàn thành tuyến đường Quốc lộ 12; Tỉnh lộ 127, 128, 129, 133, 135. Giai đoạn 2016-2020 hoàn thành tuyến hành lang biên giới Pa Tần - Mường Tè - Pắc Ma - Mường Nhé có chiều dài 165 km; giai đoạn 2021-2030 tiến hành cải tạo, nâng cấp toàn tuyến hành lang biên giới đạt tiêu chuẩn đường cấp IVmn. Đầu tư triển khai mở mới, nâng cấp các tuyến đường ra biên giới và các tuyến đường tuần tra biên giới ở các xã Ka Lăng, Thu Lũm, Pa Ủ, Pa Vệ Sừ, huyện Mường Tè; xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn. Tiếp tục thực hiện đầu tư mở rộng, nâng cấp các tuyến đường nội thị (thị trấn Mường Tè, thị trấn Nậm Nhùn, thị trấn Sìn Hồ). Đầu tư xây dựng các tuyến đường nội đồng phục vụ sản xuất, nhất là các khu vực trồng cao su trong vùng.

- Xây dựng các tuyến giao thông thủy trên hồ thủy điện Lai Châu và thủy điện Sơn La: (i) Tuyến Nậm Mạ - Nậm Tăm; (ii) Tuyến Nậm Mạ - Thị trấn Nậm Nhùn; (iii) Tuyến Lê Lợi - Chăn Nưa; (iv) Tuyến Nậm Hàng - Pắc Ma; (v)

Tuyến Can Hồ - Thị trấn Mường Tè. Xây dựng các bến thuyền ở Nậm Mạ, Nậm Tăm, Chấn Nưa, Lê Lợi, Nậm Hàng, Mường Mô, Can Hồ, Pắc Ma, Mường Tè xã, thị trấn Nậm Nhùn và thị trấn Mường Tè.

*b) Phát triển hệ thống thủy lợi, cấp nước sản xuất và sinh hoạt*

- *Hệ thống thủy lợi*: Giai đoạn 2016-2020: Tỷ lệ kênh được kiên cố hóa đạt 90% vào năm 2020; chủ động tưới tiêu được 100% diện tích lúa Đông xuân, 70% diện tích lúa vụ mùa. Tập trung đầu tư xây dựng các công trình: Thủy lợi Xà Chải, xã Hồng Thu đáp ứng năng lực tưới 255 ha cho cánh đồng Xà Chải; công trình thủy lợi Nậm Mạ Thái, xã Ma Quai đáp ứng năng lực tưới 250 ha cho cánh đồng Nậm Mạ; công trình thủy lợi Noong Hèo, Nậm Há, Ta Pả, xã Noong Hèo đáp ứng năng lực tưới 500 ha cho cánh đồng Noong Hèo.

- *Hệ thống cấp nước sinh hoạt (NSH)*: Giai đoạn 2016-2020: 95% dân số đô thị được sử dụng nước sạch và 85% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. Giai đoạn 2021-2030: 100% dân số đô thị được sử dụng nước sạch và 95% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

*c) Phát triển mạng lưới điện*: Giai đoạn 2016-2020, đầu tư xây dựng mới 50 km đường dây điện 220KV; 149 km đường dây điện 11 KV.

#### **IV. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

- Đến năm 2020 đất nông nghiệp khoảng 529.142,23 ha, chiếm 94,58% diện tích tự nhiên, giữ nguyên so với năm 2015; đất phi nông nghiệp 17.892,31 ha, tăng 3.659 ha so với năm 2015; diện tích đất chưa sử dụng là 12.404,04 ha, giảm 6.171,07 ha so với năm 2015.

- Đến năm 2030, giữ nguyên diện tích đất nông nghiệp là 529.142,23 ha; đất phi nông nghiệp 18.902,19 ha, tăng 1.009,88 ha so với năm 2020; diện tích đất chưa sử dụng là 11.394,16 ha giảm 1.009,88 ha so với năm 2020.

#### **V. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN LÃNH THỔ, BỐ TRÍ SẮP XẾP ỔN ĐỊNH DÂN CƯ**

##### **1. Phát triển mạng lưới đô thị**

- Hình thành, phát triển mới 2 đô thị loại V gồm: Thị trấn Nậm Tăm là trung tâm kinh tế có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng thấp huyện Sìn Hồ hiện nay; Thị trấn Nậm Cùm là trung tâm kinh tế nông lâm nghiệp và quốc phòng phía Tây Bắc của huyện Mường Tè.

- Thành lập huyện Nậm Tăm trên cơ sở điều chỉnh diện tích, dân số của các xã vùng thấp thuộc huyện Sìn Hồ; trung tâm huyện đặt tại thị trấn Nậm Tăm.

##### **2. Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư**

- Bố trí dân cư các xã biên giới theo Quyết định 570/QĐ-TTg ngày 17/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án bố trí dân cư ở xã Ka Lăng, xã Thu Lũm huyện Mường Tè; xã Nậm Ban, xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn; xã Pa Tần, huyện Sìn Hồ. Tiếp tục xây dựng các dự án bố trí dân cư các xã biên giới để thực hiện, dự kiến khoảng 207 hộ.

- Sắp xếp ổn định dân cư theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án ổn định dân cư đã được phê duyệt. Tiếp tục xây dựng các dự án về sắp xếp ổn định dân cư để triển khai thực hiện, dự kiến sắp xếp ổn định 720 hộ.

- Sắp xếp ổn định dân cư theo Quyết định 1672/QĐ-TTg ngày 26/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã phê duyệt. Tiếp tục xây dựng dự án theo quy định để thực hiện, số hộ dự kiến là 247 hộ.

**3. Xây dựng nông thôn mới:** Các khu dân cư nông thôn được phát triển theo hướng đảm bảo tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; đến năm 2020 có 14 xã (32% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2030 có 32 xã (73% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới.

## **VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

### **1. Các giải pháp về huy động vốn đầu tư**

- Giai đoạn 2016-2020, nhu cầu vốn đầu tư phát triển trên địa bàn khoảng 3.005,3 tỷ đồng và được hình thành từ các nguồn vốn: Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Nhà nước và vốn của các tổ chức, doanh nghiệp: 996,6 tỷ đồng, chiếm 33,2%. Giai đoạn 2021-2030, nhu cầu vốn đầu tư phát triển trên địa bàn khoảng 3.129,9 tỷ đồng, trong đó: Vốn của các tổ chức, doanh nghiệp: 1.790,8 tỷ đồng, chiếm 57,2%.

- Thực hiện xã hội hóa một số dự án để thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư, tham gia thực hiện. Thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước như: Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, cho vay vốn ưu đãi... Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn, tránh đầu tư trùng lặp, dàn trải.

### **2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu chuyên dịch cơ cấu kinh tế; trong đó xác định rõ cơ cấu ngành nghề, tỷ trọng trong các lĩnh vực, cấp bậc đào tạo. Đào tạo nghề cho con em đồng bào dân tộc tại địa phương để sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực tại chỗ, cung cấp nhân lực cho các hoạt động sản xuất trong vùng như: Khai thác, chế biến mủ cao su; sản xuất mây tre đan; trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm; nuôi trồng thủy sản; hướng dẫn viên du lịch... Đẩy mạnh công tác xã hội hoá về giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục; mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài tỉnh để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề; khuyến khích các doanh nghiệp góp vốn và trang bị phương tiện để nâng cao chất lượng đào tạo hoặc liên kết đào tạo tại doanh nghiệp.

### **3. Giải pháp phát triển khoa học công nghệ, môi trường**

Khuyến khích các doanh nghiệp tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất, thay thế các thiết bị lạc hậu, đồng bộ hóa công nghệ, tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp. Kết hợp chặt chẽ giữa



đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường. Khai thác gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái; chú trọng công tác bảo vệ và phát triển rừng.

#### **4. Giải pháp về sử dụng đất**

Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý nhà nước về đất đai ở tất cả các cấp và các ngành của các huyện trong vùng; đưa nội dung kế hoạch sử dụng đất vào triển khai có hiệu quả và bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn. Tăng cường thanh tra, kiểm tra phát hiện các vi phạm pháp luật về đất đai, ngăn chặn và xử lý kịp thời; quản lý chặt chẽ và thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ việc khai thác khoáng sản, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất đô thị. Việc sử dụng đất cho mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả. Giao đất theo tiến độ, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới. Đất đã giao khi hết hạn sử dụng phải thu hồi kịp thời hoặc có kế hoạch giao tiếp để sử dụng có hiệu quả. Rà soát tình hình triển khai các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn các huyện trong vùng. Thực hiện góp vốn bằng quyền sử dụng đất giữa các hộ gia đình cá nhân và tổ chức doanh nghiệp để hình thành vùng sản xuất nguyên liệu tập trung quy mô lớn.

#### **5. Giải pháp về cơ chế chính sách**

Tổ chức thực hiện tốt chính sách pháp luật về đất đai, phù hợp với chủ trương phát triển, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện tốt Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn sông Đà. Áp dụng triển khai các chính sách hiện hành của Trung ương và của tỉnh trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn; đồng thời ban hành và thực hiện một số chính sách đặc thù về hỗ trợ, ưu đãi, khuyến khích đầu tư để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực như: Phát triển nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch...; xây dựng cơ chế tạo môi lên hệ chặt chẽ giữa 4 nhà: Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính một cách triệt để, thông thoáng tạo điều kiện tốt nhất cho mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển trong vùng.

#### **6. Giải pháp về tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước**

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, sử dụng và quản lý cán bộ. Tiếp tục thực hiện công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ. Xây dựng, củng cố chính quyền Nhân dân các cấp, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; đặc biệt chú trọng đào tạo cán bộ người địa phương, cán bộ cấp cơ sở. Tổ chức bộ máy theo hướng tinh giảm, có hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, điều hành, nâng cao năng lực và trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện. Phân cấp, phân quyền cho các cấp, tăng cường công

tác kiểm tra, phát huy dân chủ cơ sở. Tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Trung ương, Chính phủ và của tỉnh về cải cách hành chính, coi đây là bước đột phá quan trọng góp phần thúc đẩy và thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong vùng.

## **VII. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

### **1. Các Chương trình trọng điểm**

- Bảo vệ và phát triển rừng.
- Sản xuất thâm canh tăng vụ lúa, ngô.
- Phát triển cao su.
- Chăn nuôi đại gia súc.
- Phát triển du lịch.

**2. Các dự án ưu tiên đầu tư:** Căn cứ vào khả năng nguồn vốn đầu tư để triển khai xây dựng các dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư.

*(Có phụ lục kèm theo).*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch**

Sau khi phê duyệt, Quy hoạch trở thành văn kiện có tính chất pháp lý, làm cơ sở cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trong vùng.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện: Nậm Nhùn, Mường Tè, Sìn Hồ và các sở, ngành liên quan triển khai, tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch theo các công việc sau:

#### **1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan của Quy hoạch phát triển vùng kinh tế nông - lâm sinh thái sông Đà tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo nội dung của Quyết định này. Tổ chức công bố quy hoạch theo quy định.

- Phối hợp với 3 huyện trong vùng quy hoạch xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện quy hoạch. Cụ thể hóa các mục tiêu của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm. Rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của vùng trong từng thời kỳ.

**2. Các sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm**

- Hướng dẫn Sở Nông nghiệp & PTNT và UBND các huyện trong vùng lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư.

- Trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực cần phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT để đảm bảo tính đồng bộ, thống

nhất của Quy hoạch; xem xét hỗ trợ Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện quy hoạch.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo, chuyên viên;
- Lưu: VT, TH, NLN.

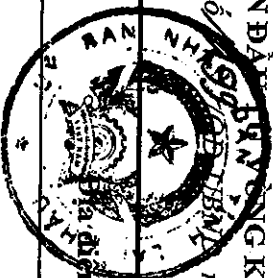




**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG LÂM SINH THÁI SÔNG ĐÀ - TỈNH LAI CHÂU**

*(Kèm theo Quyết định số 29/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)*

Đơn vị tính vốn: Triệu đồng.



STT	Tên	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian	Tổng mức đầu tư (dự kiến)
I	Bảo vệ phát triển rừng				
1	Bảo vệ rừng	Tất cả các xã có rừng ở 3 huyện: Mường tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ	320.666,1 ha 375.196,7 ha	2016-2020 2021-2030	945.965 2.213.661
2	Khoanh nuôi tái sinh rừng	Diện tích đất có cây gỗ tái sinh ở 3 huyện: Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ	84.599,2 ha 69.057,5 ha	2016-2020 2021-2030	84.599 138.115
3	Trồng rừng	Đất trống thuộc rừng sản xuất ở 3 huyện: Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ	1.080 ha	2016-2020	43.200
II	Thâm canh tăng vụ lúa, ngô				
1	Sản xuất thâm canh tăng vụ trên các cánh đồng tập trung chuyên lúa	5 cánh đồng lớn ở các xã: Noong Hẻo, Hồng Thu, Ma Quai (huyện Sìn Hồ); xã Mường Tè (huyện Mường Tè); xã Nậm Mạnh (huyện Nậm Nhùn).	1.455 ha	2016-2030	3.566
2	Mở rộng công trình thủy lợi Xã Chải	Xã Hồng Thu - huyện Sìn Hồ	255 ha	2016-2022	51.000
3	Mở rộng CTTL Noong Hẻo, Nậm Há, Ta Pả	Xã Noong Hẻo - huyện Sìn Hồ	500 ha	2016-2022	30.000
4	Mở rộng công trình thủy lợi Nậm Ma Thái	Xã Ma Quai - huyện Sìn Hồ	250 ha	2016-2022	40.000
5	Mở rộng công trình thủy lợi Nậm Pồ - Nậm Mạnh	Xã Nậm Mạnh - huyện Nậm Nhùn	250 ha	2016-2022	40.000
6	Nâng cấp CTTL Nậm Ma Nội, Cầu Máng, Na Lò	Xã Mường Tè - huyện Mường Tè	200 ha	2016-2022	30.000

STT	Tên	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian	Tổng mức đầu tư (dự kiến)
7	Thâm canh tăng vụ trên các khu ruộng lúa nước nhỏ lẻ	Các khu ruộng lúa nước nhỏ lẻ ở 3 huyện: Mường Tè, Nậm Nhùn, Sin Hồ	300 ha	2016-2030	900
8	Sản xuất ngô bán ngập	Đất bán ngập ở 3 huyện: Mường Tè, Nậm Nhùn, Sin Hồ	960 ha	2016-2020	16.704
<b>III</b>	<b>Chăn nuôi đại gia súc</b>				
1	Dự án chăn nuôi trâu	15 xã vùng cao gồm: Tà Tổng, Mù Cà, Ka Lăng, Thu Lùm (huyện Mường Tè), Hua Bum, Nậm Ban, Nậm Pi (huyện Nậm Nhùn) và 8 xã vùng cao huyện Sin Hồ	46.227 con	2016-2020	45.498
			75.299 con	2021-2030	55.681
2	Dự án chăn nuôi bò	15 xã vùng thấp gồm: Mường Mỏ, Lê Lợi, Nậm Hàng (huyện Nậm Nhùn); Nậm Cười, Lũng Thàng, Noong Hèo, Pa Tàn, Nậm Hăn, Nậm Tăm, Ma Quai (huyện Sin Hồ); Nậm Khao, Can Hồ, Bum Tở, Bum Nra, Mường Tè xã (huyện Mường Tè).	10.531 con	2016-2020	10.294
			17.155 con	2021-2030	13.147
3	Dự án trồng cỏ	Tại 30 xã chăn nuôi trâu, bò tập trung trong vùng	1.021,7 ha	2016 - 2020	6.769
			1.479,3 ha	2021 - 2030	9.152
<b>IV</b>	<b>Phát triển cao su</b>				
1	Trồng Cao su đại điền	Các xã vùng thấp của vùng kinh tế nông lâm sinh thái sông Đà	20.000 ha	Đến 2030	1.131.724
2	Công nghiệp chế biến mù cao su (đầu tư xây dựng 3 nhà máy chế biến)	Xã Nậm Tăm (huyện Sin Hồ). Xã Lê Lợi (huyện Nậm Nhùn). Xã Mường Mỏ (huyện Nậm Nhùn).	11.000 tấn/năm 5.000 tấn/năm 3.000 tấn/năm	2016-2018 2021-2025	15.000 15.000
<b>V</b>	<b>Phát triển du lịch</b>				
1	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Sin Hồ	Cao nguyên Sin Hồ	100 ha	2016-2030	150.000
2	Khu du lịch Nậm Nhùn	Huyện Nậm Nhùn	200 ha	2016-2030	200.000
3	Khu du lịch Nậm Tăm	Vùng thấp Sin Hồ	100 ha	2016-2030	150.000